

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0671004 - Hóa học đại cương
Lớp :

STC : 3(45,0,0,0,0,0) Lần thi : 1
Năm học : 2013-2014 Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Lê Anh	Tôn	3471010345	10/03/1992	10,00	5,80	7,10	
2	Hồ Công	Tuấn	3671040457	13/10/1994	,00			Nợ HP
3	Đạt Huỳnh	Nghĩa	3771040770	23/10/1995	4,00	1,30	2,10	
4	Trần Văn	Khôi	3771040777	28/12/1995	8,00	2,00	3,80	
5	Kiều Đình	Dũng	3771040778	10/01/1994	6,00	1,00	2,50	
6	Phạm Hồng	Tâm	3771040789	15/03/1995	2,00	,00	,60	
7	Hán Văn	Truyền	3771040791	12/07/1995	8,00	5,50	6,30	
8	Đậu Văn	Chiến	3771040795	10/03/1995	4,00	2,50	3,00	
9	Lê Thành	Cảnh	3771040797	19/09/1995	9,00	7,00	7,60	
10	Nguyễn Trần Ngọc	Thiện	3771040811	30/01/1994	,00			CT
11	Lê Thị Kiều	Ngọc	3771040829	01/08/1995	5,00	1,80	2,80	
12	Hồ Thanh	Liêm	3771040844	10/11/1994	7,00	2,50	3,90	
13	Lê Nguyễn Đức	Hưng	3771040847	19/05/1995	,00	,00	,00	CT
14	Huỳnh Minh	Tân	3771040850	21/11/1995	6,00	4,30	4,80	
15	La Quang	Tuấn	3771040856	29/05/1995	9,00	7,30	7,80	
16	Hồ Văn	Tân	3771040859	13/11/1994	5,00	5,50	5,40	
17	Nguyễn Quốc	Khánh	3771040861	09/04/1994	7,00	3,50	4,60	
18	Nguyễn Hoàng	Diễm	3771040865	20/07/1995	5,00	2,00	2,90	
19	Nguyễn Thanh	Bình	3771040872	25/09/1995	6,00	2,50	3,60	
20	Ngô Trung	Việt	3771040876	18/09/1993	1,00	,00	,30	
21	Huỳnh Văn	Hòa	3771040892	14/02/1995	4,00	,00	1,20	
22	Nguyễn Hồng	Sang	3771040894	01/09/1995	6,00	2,80	3,80	
23	Ninh Văn	Tuấn	3771040901	15/05/1994	1,00	1,30	1,20	
24	Trần Thành	Nam	3771040925	25/11/1994	3,00	2,80	2,90	
25	Triệu Văn	Hậu	3771041003	12/12/1994	4,00			
26	Nguyễn Đăng	Phú	3771041008	30/10/1993	,00	,00	,00	CT
27	Trần Huỳnh Thanh	Tâm	3771041009	17/08/1995	1,00	,00	,30	
28	Phan Hữu	Phước	3771041013	14/07/1995	,00	,00	,00	CT
29	Phạm Thành	Duy	3771041014	22/03/1995	6,00	4,80	5,20	
30	Nguyễn Chí	Trung	3771041024	25/04/1994	5,00	,80	2,10	
31	Phạm Thành	Đạt	3771041026	02/06/1995	5,00	4,30	4,50	
32	Bùi Di	Thức	3771041034	05/01/1993	,00			CT
33	Trịnh Chí	Linh	3771041036	14/06/1995	7,00	4,00	4,90	
34	Võ Quốc	Đạt	3771041040	23/10/1994	1,00			
35	Phan Khắc	Huy	3771041049	29/09/1995	3,00	,00	,90	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Bùi Đình	Long	3771041056	15/08/1995	1,00			
37	Phạm Hoàng	Thiện	3771041059	06/11/1995	,00			CT
38	Lê Minh	Nhật	3771041097	15/04/1995	1,00	,00	,30	
39	Nguyễn Hồng	Thạch	3771041104	25/09/1995	4,00	2,80	3,20	
40	Phạm Minh	Trung	3771041115	30/04/1995	9,00	7,50	8,00	
41	Võ Thanh	Mạnh	3771041138	24/04/1995	6,00	5,80	5,90	
42	Trịnh Văn	Nhân	3771041155	06/01/1995	4,00	3,00	3,30	
43	Trần Quốc	Đạt	3771041214	08/02/1995	4,00	,00	1,20	
44	Hồ Hoàng	Tuấn	3771041223	14/01/1995	3,00	,00	,90	
45	Nguyễn Khắc	Hùng	3771041237	05/08/1994	6,00	1,50	2,90	
46	Lương Bá	Quang	3771041256	01/08/1995	6,00	3,00	3,90	
47	Thái Đình	Khang	3771041264	10/05/1995	5,00	2,50	3,30	
48	Lương Mạnh	Việt	3771041287	08/11/1995	,00			
49	Triệu Thị	Yến	3771041297	14/09/1995	4,00	2,80	3,20	
50	Hồ Sỹ	Huyền	3771041300	19/02/1994	4,00	,80	1,80	
51	Đình Bạt	Phú	3771041315	06/09/1995	2,00			
52	Trần Nhất	Trí	3771041320	04/02/1994	10,00	7,80	8,50	
53	Nguyễn Ngọc	Sanh	3771041359	21/02/1995	5,00	,00	1,50	
54	Nguyễn Văn	Quang	3771041395	08/07/1992	2,00			

Tổng số : **SV**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 02 năm 2014

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)